

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DS-PT

Ngày 18 -01 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại Dện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 130/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần K

Địa chỉ: số 40-42-44, đường Phạm Hồng T, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại Dện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP K.

Người đại Dện theo ủy quyền: Ông Trần Duy N, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch H - Ngân hàng TMCP K chi nhánh Bạc Liêu (Theo văn bản ủy quyền số 411/UQ-CNBL ngày 04/5/2018); Địa chỉ: Khu nhà phố 6D, trung tâm thương mại huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Đồng bị đơn:

1. Ông **Phạm Thanh P**, sinh năm 1982;

2. Bà **Nguyễn Phương D**, sinh năm 1983;

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Thượng S**, sinh năm 1945;
 2. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1953;
Cùng địa chỉ: Ấp Ninh L, xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
 3. Ông **Phan Văn L**, sinh năm 1973;
 4. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1974;
Cùng địa chỉ: Ấp Ninh Đ, xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
 5. Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1970;
 6. Ông **Quách Thanh T**, sinh năm 1971
Cùng địa chỉ: Ấp Ninh L, xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
 7. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1971;
 8. Bà **Nguyễn Kim P**, sinh năm 1972;
Cùng địa chỉ: Ấp Ninh L, xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
- *Người kháng cáo*: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đại Dện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần K trình bày:

Vào ngày 22/5/2017 bà Nguyễn Phương D và ông Phạm Thanh P có vay vốn của ngân hàng thương mại cổ phần K, tại hợp đồng tín dụng số 048/17/HĐTD/0202 – 6468 ngày 22 tháng 5 năm 2017, với số tiền 160.000.000 đồng, ngày giải ngân ngày 25 tháng 5 năm 2017 mục đích vay trồng lúa và nuôi heo, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn 12,6%, lãi suất cho vay thay đổi 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi ở cuối kỳ, tại thời điểm thay đổi lãi xuất cộng 3,78%/ năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi vay trả 03 tháng 01 lần và vốn vay được trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp được ký tại hợp đồng thế chấp 214/16/HĐTC – BĐS/0202-4635 ngày 18 tháng 5 năm 2016 cụ thể:

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa, thửa đất số: 1782, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777311 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014.

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014.

Từ ngày vay cho đến hôm nay ông P, bà D không trả nợ cho ngân hàng cả vốn và lãi, hiện tại ông P và bà D lại thực hiện cố đất cho người khác. Nay ngân hàng yêu cầu ông P, bà D trả số tiền vay là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn 16.464.000 đồng, lãi phạt chậm trả 850.080 đồng, lãi quá hạn 0 đồng. Tổng gốc và lãi 177.314.080 đồng. Trong quá trình giải quyết, được biết phần đất ông P, bà D đang thế chấp ngân hàng đã thực hiện cố cho vợ chồng ông T, bà T và vợ chồng ông L, bà M nhưng chưa được sự đồng ý của ngân hàng nên yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng cầm cố giữa ông P, bà D với ông T, bà T, ông L, bà M và yêu cầu ông P, bà D phải trả cả gốc và lãi cho ngân hàng tính tới ngày 29 tháng 9 năm 2020 tổng

gốc và lãi là 262,773,748 đồng. Trong đó vốn gốc 160.000.000 đồng, lãi trong hạn chưa trả 20.440.000 đồng, lãi phạt chậm trả 10.177.748 đồng, lãi quá hạn 72.156.000 đồng. Nếu ông P, bà D không có khả năng trả thì yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản thế chấp thu hồi vốn cho ngân hàng.

Theo lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, đồng bị đơn ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D trình bày: Thừa nhận có vay của Ngân hàng K số tiền là 160.000.000 đồng, từ khi vay đến nay không có trả nợ vay cho ngân hàng cả gốc và lãi. Nay ngân hàng yêu cầu ông, bà trả tiền vay của ngân hàng cả gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2020 tổng số tiền là 262.773.748 đồng, ông P, bà D cũng đồng ý; Đồng ý hủy hợp đồng cầm cố đất giữa ông, bà với ông T, bà T, đồng ý trả cho ông T, bà T 20 chỉ vàng 9999, đồng ý hủy hợp đồng cầm cố giữa ông L, bà M với ông S, bà Đ để giao đất cho ngân hàng phát mãi thu hồi nợ theo quy định.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn L và bà Nguyễn Thị M trình bày: ông, bà có cổ đất của ông S, bà Đ phần đất diện tích 2.814m² với giá là 12 chỉ vàng 9999 hai bên có làm hợp đồng tay (Ông S, bà Đ là cha ruột của Nguyễn Phương D cho vợ chồng ông). Ông, bà chỉ biết nguồn gốc đất của ông S, bà Đ, còn việc ông S và bà Đ cho tặng Nguyễn Phương D như thế nào ông không biết, khi cổ đất xong ông không trực tiếp canh tác nhưng cho lại em của ông là Nguyễn Văn D và Nguyễn Kim P trực tiếp canh tác và trả tiền cho ông, có năm trả, có năm không trả hiện tại đã hết mùa đất bỏ trống, ông đồng ý giao trả đất, ông đồng ý hủy hợp đồng cổ đất giữa ông, bà với ông S, bà Đ, ông không yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông S, bà Đ trả vàng vì giữa ông, bà với ông S bà Đ đã thỏa thuận xong nên không đặt ra yêu cầu, ông cũng không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc ông cho ông D, bà P canh tác đất gì chỉ thỏa thuận miệng giữa anh, em với nhau.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T và ông Quách Thanh T trình bày: Vào ngày 07 tháng 12 năm 2014 ông bà có cổ phần đất diện tích 4.701,8m² với giá 20 chỉ vàng 9999. Việc cổ đất D ra trước khi Ngân hàng giải ngân cho vay nên ông bà không đồng ý giao đất cho ngân hàng phát mãi thu hồi nợ. Bà yêu cầu bà D, ông P phải trả đủ 20 chỉ vàng 9999 thì ông, bà mới đồng ý cho ngân hàng phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Kim P trình bày: Vợ chồng ông thuê hằng năm phần đất của ông L, bà M cổ của ông S, bà Đ. Do anh em với nhau nên khi thuê không có làm giấy tờ gì, cũng không có giá thuê cụ thể, canh tác năm nào trúng mùa thì trả nhiều, ngược lại thì trả ít lại, nếu ngân hàng phát mãi đất thì vợ chồng ông đồng ý cho phát mãi, ông không yêu cầu Tòa án đặt ra xem xét đến việc thuê đất giữa ông, bà với ông L, bà M.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thượng S và Nguyễn Thị Đ thống nhất trình bày: Ông bà có hai phần đất:

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa, thửa đất số: 1782, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777311 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014.

Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014.

Hiện tại hai phần đất này ông đã làm giấy tặng cho con gái ông, bà là Nguyễn Phương D đứng tên quyền sử dụng đất để nhằm mục đích cho con gái ông thế chấp vay tiền để làm ăn, ông có ký hợp đồng cầm cố phần đất diện tích 2.814,1m² cho ông L với số vàng là 12 chỉ vàng 9999, số vàng này ông cũng đưa hết cho con gái làm ăn, phần đất cổ thì giao cho ông L canh tác để hưởng hoa L trên đất. Nay ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản, yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố vợ chồng ông cũng đồng ý. Riêng 12 chỉ vàng 9999 mà ông cố cho ông L, vợ chồng ông đã thỏa thuận xong với vợ chồng ông L nên ông không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết đối với số vàng của ông L.

Từ nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền tính đến ngày 29/09/2020 là 262.773.748 đồng (cụ thể vốn vay gốc là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn là 20.440.000 đồng, lãi phạt chậm trả 10.177.748 đồng, lãi quá hạn 72.156.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D với ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T.

Buộc ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T 20 chỉ vàng 9999.

Buộc ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T phải giao trả phần đất diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014 do bà Nguyễn Phương D đứng tên quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D để Ngân hàng thương mại cổ phần K phát mãi tài sản theo quy định.

Hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Thượng S, bà Nguyễn Thị Đ với ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị M ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Kim P cùng có trách nhiệm giao trả phần đất diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014 do bà Nguyễn Phương D đứng tên

quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D để Ngân hàng thương mại cổ phần K phát mãi tài sản theo quy định.

Khi bản án có hiệu lực phát luật ông P và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản mà ông P và bà D đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần K để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, về Luật thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 08 tháng 10 năm 2020, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T kháng cáo yêu cầu ông P, bà D phải trả cho bà 20 chỉ vàng 24k trước khi thi hành án thì bà mới đồng ý cho Ngân hàng K phát mãi tài sản mà ông P, bà D đang thế chấp Ngân hàng.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận cáo của bà Đỗ Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngân hàng thương mại cổ phần K khởi kiện buộc bà Nguyễn Phương D và ông Phạm Thanh P thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng và bà D, ông P, đây là tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đồng bị đơn bà Nguyễn Phương D và ông Phạm Thanh P có nơi cư trú tại huyện H, tỉnh Bạc Liêu nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 08/10/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T kháng cáo bản án. Bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu thụ lý và giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.3] Đối với người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự trong vụ án. Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K có ông Trần Duy N đại diện theo ủy quyền có mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo bà Đỗ Thị T có mặt; Bị đơn bà Nguyễn Phương D, ông Phạm Thanh P và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án đã triệu tập xét xử hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Đủ cơ sở xác định thực tế giữa Ngân hàng thương mại cổ phần K và bà Nguyễn Phương D và ông Phạm Thanh P có ký kết hợp đồng tín dụng số 048/17/HĐTD/0202 – 6468 ngày 22 tháng 5 năm 2017, bà D, ông P thống nhất có ký kết hợp đồng nêu trên và còn nợ Ngân hàng số tiền vốn gốc 160.000.000 đồng cùng số nợ lãi suất theo yêu cầu của Ngân hàng, bà D, ông P cam kết sẽ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Xét thấy, hợp đồng tín dụng được các bên tự nguyện ký kết, hình thức, nội dung thỏa thuận của các bên là phù hợp, không trái quy định pháp luật, bà D, ông P thừa nhận nợ và cam kết trả nợ nên cấp sơ thẩm xác định đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với bà D, ông P về việc buộc bà D, ông P thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là có căn cứ.

[3] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản: Về hình thức hợp đồng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 214/16/HĐTC – BDS/0202-4635 ngày 18 tháng 5 năm 2016 được lập thành văn bản phù hợp quy định của pháp luật, được chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền đúng quy định. Về nội dung của hợp đồng thế chấp, tài sản được thế chấp trong hợp đồng là 02 quyền sử dụng đất tại Diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa, thửa đất số: 1782, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777311 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014 và Diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014 cấp cho bà Nguyễn Phương D và 02 phần đất đều tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện ngày 05/6/2020 (BL 55-56); Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện ngày 12/6/2020 (BL 160-163) thể hiện tứ cạnh các phần đất tranh chấp, ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa; Ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị M cho ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Kim P đang trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, ngoài ra, trên đất không ghi nhận thêm tài

sản, cây trồng nào khác. Cấp sơ thẩm đã xem xét hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông P, bà D với ông T, bà T; và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa ông S, bà Đ với ông L, bà M, căn cứ quy định tại Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Điều 122, Điều 389 của Bộ luật dân sự 2005 các giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất này bị vô hiệu và áp dụng các Điều 122, 127, 128, 137 của Bộ luật dân sự 2005 hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D với ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T. Buộc ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D có Nghĩa vụ liên đới trả cho ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T 20 chỉ vàng 9999. Buộc ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T phải giao trả phần đất Diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014 do bà Nguyễn Phương D đứng tên quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D để Ngân hàng thương mại cổ phần K phát mãi tài sản theo quy định. Hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Thượng S, bà Nguyễn Thị Đ với ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị M. Buộc ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị M ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Kim P giao trả phần đất diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014 do bà Nguyễn Phương D đứng tên quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D để Ngân hàng thương mại cổ phần K phát mãi tài sản theo quy định. Cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ đầy đủ, áp dụng pháp luật phù hợp, đúng quy định nên cần giữ nguyên các nội dung của án sơ thẩm đối với các giao dịch này.

[5] Xét kháng cáo của bà Đỗ Thị T yêu cầu ông P, bà D phải trả cho bà 20 chỉ vàng 24k trước khi thi hành án thì bà mới đồng ý cho Ngân hàng K phát mãi tài sản mà ông P, bà D đang thế chấp Ngân hàng: Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã xem xét giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D với ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T, đã tuyên buộc ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D có Nghĩa vụ liên đới trả cho ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T 20 chỉ vàng 9999 đúng theo yêu cầu của bà T. Ngoài ra, án sơ thẩm còn áp dụng các quy định về quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại Luật thi hành án dân sự. Do đó, kháng cáo của bà T đã được xem xét, quyết định ở cấp sơ thẩm đúng quy định pháp luật, cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết buộc ông P, bà D thanh toán 20 chỉ vàng 24k cho bà T trước khi bà T giao trả đất, bởi lẽ, vấn đề này thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án ở giai đoạn sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị T nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Đỗ Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 299, 323, 351, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 122, 127, 128, 137, 389 Bộ luật dân sự 2005;

- Áp dụng Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

- Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Áp dụng Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng khoản 2, khoản 6 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần K.

Buộc ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tổng số tiền tính đến ngày 29/09/2020 là 262.773.748 đồng (cụ thể vốn vay gốc là 160.000.000 đồng, lãi trong hạn là 20.440.000 đồng, lãi phạt chậm trả 10.177.748 đồng, lãi quá hạn 72.156.000 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D với ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T.

Buộc ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T 20 chỉ vàng 9999.

Buộc ông Quách Thanh T, bà Đỗ Thị T phải giao trả phần đất diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa, thửa đất số: 1782, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777311 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014 do bà Nguyễn Phương D đứng tên quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D để Ngân hàng thương mại cổ phần K phát mãi tài sản theo quy định.

Hủy giao dịch cầm cố quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Thượng S, bà Nguyễn Thị Đ với ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị M.

Buộc ông Phan Văn L, bà Nguyễn Thị M ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Kim P cùng có trách nhiệm giao trả phần đất diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014 do bà Nguyễn Phương D đứng tên quyền sử dụng đất cho ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D để Ngân hàng thương mại cổ phần K phát mãi tài sản theo quy định.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông P và bà D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng thương mại cổ phần K thì Ngân hàng thương mại cổ phần K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản mà ông P và bà D đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần K để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích 4.701,8m² đất trồng lúa, thửa đất số: 1782, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777311 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014; Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Ninh Q, huyện H, tỉnh Bạc Liêu diện tích 2.814,1m² đất trồng lúa, thửa đất số: 761, tờ bản đồ số 06, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 777310 do UBND huyện H cấp ngày 30/5/2014.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí thẩm định đo đạc 3.000.000 đồng Ngân hàng thương mại cổ phần K đã chi hết nên ông Phạm Thanh P, bà Nguyễn Phương D phải có trách nhiệm liên đới nộp lại số tiền 3.000.000 đồng chi phí thẩm định, đo đạc để hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần K.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: Buộc đồng bị đơn ông Phạm Thanh P và bà Nguyễn Phương D có nghĩa vụ liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 13.138.000 đồng (Mười ba triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch; Ông Nguyễn Thượng S, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch. Ngân hàng thương mại cổ phần K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.500.000 đồng theo biên lai số: 0006046 ngày 30/1/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0003264 ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), không được hoàn lại.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2, Điều 26 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Các đương sự (08 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (01 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Minh Nguyệt